

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HS-ST

Ngày: 12-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình – Chủ tịch Hội Cựu chiến binh huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Phương Dung – Bí thư Huyện đoàn huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Bá Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Thế Dẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trịnh Xuân T, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2000, tại Bình Dương, nơi cư trú: Ấp Đ, xã Đ1, huyện D, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Xuân H, sinh năm 1965 và bà Văn Thị Q, sinh năm 1967; chưa có vợ con; có hai anh, một chị, một em; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú số 36/LC ngày 11/4/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D. Bị cáo có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Văn Thị Q, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã Đ1, huyện D, tỉnh Bình Dương (mẹ ruột của bị cáo). Có mặt.

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Ông Phạm Tiến Thiên T, sinh năm 1983 – Luật sư của Văn phòng luật sư Phạm Thiên T thuộc Đoàn luật sư tỉnh B. Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn D, huyện D1, tỉnh B. Có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Biện Thị T, sinh ngày 27/12/2008. Nơi cư trú: Ấp A, xã Đ1, huyện D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại T: Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1980. Nơi cư trú: A, xã Đ1, huyện D, tỉnh B (mẹ ruột của bà T). Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn V, sinh ngày 09/10/2005. Nơi cư trú: Ấp A, xã Đ1, huyện D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại V: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Ấp A, xã Đ1, huyện D, tỉnh B (cha ruột của ông V). Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 17/3/2005. Nơi cư trú: Ấp C, xã Đ1, huyện D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Ấp C, xã Đ1, huyện D, tỉnh B (mẹ ruột của ông T). Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Ông Trần Thế N, sinh năm 1998; Đang chấp hành chữa bệnh bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy B; địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện P, tỉnh B. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Ấp L, xã L1, huyện D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 22 tháng 10 năm 2017, Trịnh Xuân T điều khiển xe đạp điện chở bạn tên Nguyễn Văn T (sinh ngày 17 tháng 3 năm 2005, ngụ tại ấp C, xã Đ1, huyện D, tỉnh B) và Biện Văn R (sinh ngày 22 tháng 10 năm 2002, ngụ tại ấp Đ, xã Đ1, huyện D, tỉnh B) từ nhà T đến cửa hàng tạp hoá của bà Liêu Thị M (sinh năm 1975, ngụ tại ấp A, xã Đ1, huyện D, tỉnh B) để uống nước và ăn bánh tráng. Đến nơi, T và R ngồi tại bàn ghế đá phía trước nhà bà M để ăn bánh tráng. Còn T vào trong phòng bếp chơi với bạn tên Nguyễn Văn V, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2005 và Biện Thị T, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2008, cùng ngụ ấp A, xã Đ1, huyện D, tỉnh B (V và T là cháu họ hàng với bà M). Khi đi qua phòng khách, T thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO 1201, màu trắng, màn hình bị nứt, số IMEI: 861890035605775 của T và 01 máy tính bảng nhãn hiệu HUAWEI, màu trắng bạc, ốp lưng màu nâu, số IMEI: 864004032710862 của V. **Điện thoại và máy tính bảng đang sạc pin trên nền nhà không có người trông coi. T đi ra ngoài nói cho T và R biết. Lúc này, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên rủ T và R cùng trộm cắp tài sản. T đồng ý. R không đồng ý. R can ngăn T và T nhưng không được. Tiếp đó, T đi vào trộm**

điện thoại di động và máy tính bảng đem ra cùng T tẩu thoát. R cũng bỏ đi. T và T đem tài sản trộm được về nhà T cất giấu. Sau khi phát hiện tài sản bị mất trộm, bà T và ông V được người nhà đưa đến Công an xã Đ, huyện D, tỉnh D trình báo sự việc.

Ngày 24 tháng 10 năm 2017, T nhờ bạn là Trần Thế N, sinh năm 1998, ngụ tại khu phố 6, thị trấn D1, huyện D, tỉnh B cầm cố giúp máy tính bảng, nhãn hiệu HUAWEI, màu trắng – bạc, có ốp lưng màu nâu, số IMEI: 864004032710862. Do không biết tài sản trên do T phạm tội mà có nên N đồng ý và đem đến tiệm cầm đồ “Tâm” do bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1990, ngụ tại ấp L1, xã L, huyện D làm chủ để cầm cố. N cầm cố được số tiền 2.000.000 đồng. T cho N 500.000 đồng, còn 1.500.000 đồng T tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi tiếp nhận vụ việc, Công an xã Đ, huyện D mời T và T đến trụ sở làm việc. T và T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản trên. Đồng thời thu giữ tại nhà T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO 1201, màu trắng, màn hình bị nứt, số IMEI: 86189003560775 (bút lục 69). Vụ việc được chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, tỉnh B thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D thu giữ tại tiệm cầm đồ “Tâm” do Nguyễn Thị Thu V làm chủ: 01 (một) cái máy tính bảng, nhãn hiệu HUAWEI, màu trắng – bạc, có ốp lưng màu nâu, số IMEI: 864004032710862.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 71/KL-HĐĐG ngày 28/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng kết luận:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO 1201, màu trắng, màn hình bị nứt, số IMEI: 861890035605775, đã qua sử dụng, trị giá 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng).

- 01 (một) máy tính bảng nhãn hiệu HUAWEI, màu trắng – bạc, ốp lưng màu nâu, số IMEI: 864004032710862, đã qua sử dụng, trị giá 3.000.000 đồng (bút lục 40).

Tại bản Cáo trạng số 20/CT-VKSĐT-HS ngày 11/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Trịnh Xuân T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trịnh Xuân T về tội “Trộm cắp tài sản”, đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng theo khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s Khoản 1 Điều 51; Chương XII Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trịnh Xuân T từ 07 đến 09 tháng tù.

Đối với hành vi của Nguyễn Văn T cùng Trịnh Xuân T trộm cắp 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO 1201, màu trắng, màn hình bị nứt, số IMEI:

861890035605775, đã qua sử dụng và 01 (một) máy tính bảng nhãn hiệu HUAWEI, màu trắng – bạc, ốp lưng màu nâu, số IMEI: 864004032710862, đã qua sử dụng, tổng trị giá 3.800.000 đồng. Do tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, T chưa đủ 16 tuổi (12 tuổi 07 tháng 05 ngày) nên không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với hành vi của Trần Thế N và Nguyễn Thị Thu V tiêu thụ 01 (một) máy tính bảng nhãn hiệu HUAWEI, màu trắng – bạc, ốp lưng màu nâu, số IMEI: 864004032710862, trị giá 3.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định, N và V không biết đây là tài sản do T phạm tội mà có nên không xem xét xử lý hình sự.

Đối với hành vi của Trần Văn R sinh ngày 22 tháng 10 năm 2002, không tố giác hành vi trộm cắp tài sản của T và T chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại Điều 390 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên không truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Không tố giác tội phạm”.

*** Về biện pháp tư pháp:**

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO 1201, màu trắng, màn hình bị nứt, số IMEI: 861890035605775. Máy đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của Biện Thị T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã trả lại tài sản trên cho bà T theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 13 tháng 02 năm 2018. Bà T và người đại diện hợp pháp của bà T là bà Hoàng Thị M, sinh năm 1980, ngụ tại ấp A, xã Đ, huyện D (mẹ ruột) không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

Đối 01 (một) máy tính bảng nhãn hiệu HUAWEI, màu trắng – bạc, ốp lưng màu nâu, số IMEI: 864004032710862. Máy đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn V. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã trả lại tài sản trên cho V theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 13 tháng 02 năm 2018. Ông V và người đại diện hợp pháp của ông V là ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1974, ngụ tại ấp A, xã Đ, huyện D, tỉnh B không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Đối với số tiền 2.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Thu V nhận cầm cố 01 (một) máy tính bảng nhãn hiệu HUAWEI, màu trắng – bạc, ốp lưng màu nâu, số IMEI: 864004032710862. Quá trình điều tra, bà V đã trả lại máy tính bảng và không yêu cầu bồi thường số tiền trên nên không xem xét giải quyết.

- Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng số 20/CT-VKSĐT-HS ngày 11/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng đã truy tố, bị cáo nhìn nhận trách nhiệm của mình và tỏ thái độ ăn năn hối cải.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo bà Văn Thị Q: Tại phiên tòa, bị cáo T khai báo trung thực, không bị ai ép buộc. Ngày 11 tháng 9 năm 2018, bị cáo T

có gây thương tích cho người khác nên bị công an xã Đ, huyện D, tỉnh B mời làm việc. Do vậy, bị cáo T mới không đến tham gia phiên tòa đúng giờ. Bà Q không có ý kiến gì khác.

- Luật sư bào chữa chỉ định cho bị cáo Trịnh Xuân T (ông Phạm Tiến Thiên T) tranh luận: Thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng đã truy tố đối với bị cáo T. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết: Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khi phạm tội, bị cáo T là người chưa đủ 18 tuổi theo Chương XII Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Việc bị cáo có hành vi gây thương tích cho người khác, đến thời điểm xét xử chỉ mới có hồ sơ điều tra của công an đối với bị cáo T nên đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với bị cáo T.

- Tại phiên tòa bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai. Bị cáo mong muốn Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13. Căn cứ Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xét thấy hành vi phạm tội của Trịnh Xuân T xảy ra trước ngày 01 tháng 01 năm 2018 (thời điểm Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực), việc áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để truy tố bị cáo Trịnh Xuân T về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 là không gây bất lợi cho bị cáo nên áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử lý.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Xuân T khai nhận như sau: Khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 10 năm 2017, tại nhà bà Liêu Thị M, thuộc ấp A, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương, Trịnh Xuân T lén lút trộm cắp 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO 1201, màu trắng, màn hình bị nứt, số IMEI:

861890035605775, đã qua sử dụng và 01 (một) máy tính bảng nhãn hiệu HUAWEI, màu trắng – bạc, ốp lưng màu nâu, số IMEI: 864004032710862. Điện thoại và máy tính bảng đều đã qua sử dụng. Tổng giá trị tài sản do Trịnh Xuân T trộm cắp được định giá là 3.800.000 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có căn cứ kết luận bản Cáo trạng số 20/CT-VKSĐT-HS ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố bị cáo Trịnh Xuân T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Bị cáo T là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của bị cáo là lợi dụng sơ hở, không có người trông coi tài sản của bị hại, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của bị hại. Tài sản bị chiếm đoạt trị giá 3.800.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự an ninh nơi xảy ra vụ án.

[5] Xét mục đích, động cơ phạm tội: Xuất phát từ động cơ chỉ vì muốn có tiền tiêu xài để phục vụ nhu cầu cá nhân, lười lao động, thích hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác, bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo đã gây ra để bị cáo tự nhận thức, sửa chữa lỗi lầm của mình và giáo dục bị cáo thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo T khi phạm tội là người chưa thành niên nên Hội đồng xét xử áp dụng chương XII Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi quyết định hình phạt dành cho bị cáo.

[7] Xét ý kiến của luật sư bào chữa chỉ định cho bị cáo là có căn cứ. Do vậy, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo T, Hội đồng xét xử cân nhắc cho tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[8] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật áp dụng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng mức hình phạt đối với bị cáo T, Hội đồng xét xử quyết định xử nhẹ hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Không ai yêu cầu nên không xem xét.

[10] Về biện pháp tư pháp: Đã trả lại tài sản cho bị hại nên không xem xét.

[11] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Xuân T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trịnh Xuân T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Trách nhiệm dân sự: Đã xử lý xong nên không xem xét.

3. Biện pháp tư pháp: Đã xử lý xong nên không xem xét.

4. Án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tổ tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Áp phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trịnh Xuân T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa chỉ định cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/9/2018).

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV27 CA tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Công an H. Dầu Tiếng;
- CCTHA H. Dầu Tiếng;
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Vũ Anh Tuấn